

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34/2023/DS-ST**
Ngày: 08-5-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tường

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Thanh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mộng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú,
tỉnh Bến Tre, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2023/TLST- DS
ngày 06/02/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Tôn Minh H, sinh năm 1990; Trú tại: Số I, ấp Q, xã H,
huyện T, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số G,
ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn:

+ Ông Trần Minh Đ1, sinh năm 1991; Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện T,
tỉnh Bến Tre (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Oanh N, sinh năm 1995; Trú tại: Số B, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh
Bến Tre (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn
trình bày:***

Ngày 10/10/2022, bà Tôn Minh H có cho ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm
Oanh N vay số tiền 1.500.000.000 đồng để xoay sở phục vụ nhu cầu gia đình,
không tính lãi. Ông Đ1, bà N cam kết sẽ trả nợ vào ngày 10/11/2022 và sau đó hứa
đến ngày 30/11/2022 sẽ trả hết nợ nhưng đến thời điểm hiện tại ông Đ1 và bà N
không thực hiện đúng lời đã cam kết.

Bà Tôn Minh H khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N liên đới trả cho cho bà Tôn Minh H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N vắng mặt không có lời trình bày .

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và khoản 1 Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 357, 468, 470 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N liên đới trả cho cho bà Tôn Minh H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng; bà H không yêu cầu tính lãi nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Minh Đ1 có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre; bị đơn bà Phạm Oanh N có nơi cư trú tại ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Tôn Minh H khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N liên đới trả cho cho bà Tôn Minh H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Tôn Minh H cung cấp biên nhận viết tay ngày 10/10/2022 có nội dung mượn số tiền 1,5 tỷ đồng, có chữ ký của Trần Minh Đ1 và Phạm Oanh N. Tòa án đã tổng đạt

hợp lệ thông báo thụ lý cùng hồ sơ khởi kiện photo của nguyên đơn cho bị đơn nhưng bị đơn không đưa ra ý kiến phản hồi. Ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Điều này cho thấy ông Đ1, bà N mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ vào Trích lục kết hôn (bản sao) số 40/TLKH-BS ngày 23/3/2023 của UBND xã G, huyện T, tỉnh Bến Tre thể hiện ông Đ1 và bà N là vợ chồng hợp pháp. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Minh H, buộc ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N liên đới trả cho cho bà Tôn Minh H tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng. Bà Tôn Minh H tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận. [5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N phải liên đới chịu theo quy định.
- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Tôn Minh H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 357; Điều 463; Điều 466; 468; 470 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 74, Điều 91; Điều 92; Điều 227, Điều 228, Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tôn Minh H đối với ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N liên đới trả cho cho bà Tôn Minh H tổng số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng; ghi nhận bà Tôn Minh H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Trần Minh Đ1 và bà Phạm Oanh N phải liên đới chịu là 57.000.000 (Năm mươi bảy triệu) đồng.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 28.500.000 (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Tôn Minh H theo biên lai thu số 0001818 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND X. T, G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền